

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T28/NUTRICARE/2024

**SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN NUTRICARE
MILK**

Năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T28/NUTRICARE/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/ Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sữa dinh dưỡng pha sẵn Nutricare Milk

2. Thành phần:

Sữa (90%) (Nước, Sữa bột), Sucrose, Béo thực vật, Đạm đậu nành, Hỗn hợp Khoáng và Vitamin (Tricanxi phosphat, Kali clorid, Dinatri phosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Natri selenit, Natri molybdat, Natri-L-ascorbat, Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Vitamin K1, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin), Chất ổn định (466, 460(i), 407, 471), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất chống oxy hóa (Hỗn hợp Tocopherol).

Sản phẩm có chứa sữa, đậu nành.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 8 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Hộp 110 ml, 180 ml. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong hộp giấy có lớp trong cùng là PE tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE



VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02466833368

Sản xuất tại:

- CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE (N). Địa chỉ: Nhà máy 2, Lô V.11 và Lô V.12 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Điện thoại: 024.66.833.368.

- Công ty Cổ Phần Sữa Hà Nội (H). Địa chỉ: Km 9, đường Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 024.8866.567/63

- Công ty Cổ phần Sữa Ba Vì (BV). Địa chỉ: Thôn Hòa Trung, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 02433881200

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 28/2024/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh



LẮC ĐỀU TRƯỚC KHI UỐNG
HỖ TRỢ TIÊU HÓA



SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN
NUTRICARE MILK



NUTRICARE



CARE

Milk

DƯỠNG CHẤT
Kẽm, Lysin
TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH
Chất xơ (FOS/Inulin)
HỖ TRỢ TIÊU HÓA

THÀNH PHẦN: Sữa (90%) (Nước, Sữa bột), Sucrose, Béo thực vật, Đạm đậu nành, Hỗn hợp Khoáng và Vitamin (Tricaxi phosphat, Kali clorid, Dinatri phosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Natri selenit, Natri molybdat, Natri-L-ascorbat, Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Vitamin K1, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin), Chất ổn định (466, 460(i), 407, 471), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất chống oxy hóa (Hỗn hợp Tocopherol). Sản phẩm có chứa sữa, đậu nành.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Sản phẩm cho 1 lần sử dụng. Ngon hơn khi uống lạnh. Lắc đều trước khi sử dụng. Nên dùng 3-4 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.

BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Lưu ý: Thành phần của sản phẩm có thể bị lắng đọng tự nhiên nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi.

THƯƠNG NHÃN CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.6683.3368. Xuất xứ: Việt Nam.

Số CBSP: T28/NUTRICARE/2024.

NSX và HSD: Xem trên bao bì.

Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

NUTRICARE - CSKH
MIỄN BÁC: 1800.6011 (Miễn phí)
MIỄN NAM: 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn



8 936142 673340

M | Thể tích thực
110 ml

35 DƯỠNG CHẤT

Kẽm, Lysin

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Chất xơ (FOS/Inulin)

HỖ TRỢ TIÊU HÓA



THỰC PHẨM
BỔ SUNG | Thể tích thực
110 ml

Sản phẩm được phát triển bởi
Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH(*)

Thành phần	Đơn vị	Trong 110 ml
Năng lượng	kcal	81,9
Chất đạm	g	3,15
Lysin	mg	185
Leucin	mg	276
Isoleucin	mg	143
Valin	mg	170
Histidin	mg	89,1
Phenylalanin	mg	140
Tyrosin	mg	61,7
Threonin	mg	124
Methionin	mg	71,8
Tryptophan	mg	45,5
Cystin	mg	39,9
Chất béo	g	3,62
Carbohydrat	g	9,31
Đường tổng số	g	9,31
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	0,16
Cholin	mg	5,96
Vitamin		
Vitamin A	IU	224
Vitamin D3	IU	44,0
Vitamin E	IU	0,97
Vitamin C	mg	7,64
Vitamin B1	µg	148
Vitamin B2	µg	230
Niacin	µg	978
Axit Pantothenic	µg	572
Vitamin B6	µg	82,9
Axit folic	µg	21,5
Vitamin B12	µg	0,28
Biotin	µg	3,02
Khoáng chất		
Natri	mg	51,3
Canxi	mg	147
Photpho	mg	133
Kẽm	mg	0,87
I-ốt	µg	10,9
Selen	µg	2,67

(*) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.



NUTRICARE
TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



NUTRICARE

Milk

35 D
K
TĂNG C
Chất x
HỖ TR



THỰC PHẨM
BỔ SUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 28/2024/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Địa chỉ VP GD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 024 66833368 Fax: 0437858999
E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Sữa dinh dưỡng pha sẵn Nutricare Milk

2. Thành phần cấu tạo

Sữa (90%) (Nước, Sữa bột), Sucrose, Béo thực vật, Đạm đậu nành, Hỗn hợp Khoáng và Vitamin (Tricanxi phosphat, Kali clorid, Dinatri phosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Natri selenit, Natri molybdat, Natri-L-ascorbat, Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Vitamin K1, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin), Chất ổn định (466, 460(i), 407, 471), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất chống oxy hóa (Hỗn hợp Tocopherol).

Sản phẩm có chứa sữa, đậu nành.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng, đồng nhất khi lắc đều
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngon, mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ.

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100 ml
Năng lượng	kcal	59,6
Chất đạm	g	2,29
Lysin	mg	135
Leucin	mg	201
Isoleucin	mg	104
Valin	mg	124

Histidin	mg	64,8
Phenylalanin	mg	102
Tyrosin	mg	44,9
Threonin	mg	90,2
Methionin	mg	52,2
Tryptophan	mg	33,1
Cystin	mg	29,0
Chất béo	g	2,63
Carbohydrat	g	6,77
Đường tổng số	g	6,77
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	0,12
Cholin	mg	4,33
Vitamin		
Vitamin A	IU	163
Vitamin D3	IU	32,0
Vitamin E	IU	0,71
Vitamin C	mg	5,56
Vitamin B1	µg	108
Vitamin B2	µg	167
Niacin	µg	711
Axit pantothenic	µg	416
Vitamin B6	µg	60,3
Axit folic	µg	15,6
Vitamin B12	µg	0,20
Biotin	µg	2,20
Khoáng chất		
Natri	mg	37,3
Canxi	mg	107

Phốt pho	mg	96,7
Kẽm	mg	0,63
I-ốt	µg	7,93
Selen	µg	1,94

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/ml	5
2	<i>L. monocytogens</i>	CFU/ml	100
3	<i>Samonella</i>	/25 ml	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/l	1,0
2	Chì (Pb)	mg/l	0,02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,05
4	Asen	mg/l	0,5

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/l	0,5
2	Patulin	µg/l	10
3	Fumonisin tổng số	µg/l	200

5.4. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dur lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Hướng dẫn sử dụng

Sản phẩm cho 1 lần sử dụng.

Ngon hơn khi uống lạnh.

Lắc đều trước khi sử dụng.

Nên dùng 3 - 4 hộp mỗi ngày. (đối với hộp 110 ml)

Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. (đối với hộp 180 ml)

7. Hướng dẫn bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

8. Hạn sử dụng: 8 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên hộp

9. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Hộp/túi 110 ml, 180 ml. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong hộp giấy, túi giấy có lớp trong cùng là PE tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

10. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

11. Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02466833368

Sản xuất tại:

- CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE (N). Địa chỉ: Nhà máy 2, Lô V.11 và Lô V.12 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Điện thoại: 024.66.833.368.

- Công ty Cổ Phần Sữa Hà Nội (H). Địa chỉ: Km 9, đường Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 024.8866.567/63

- Công ty Cổ phần Sữa Ba Vì (BV). Địa chỉ: Thôn Hòa Trung, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 02433881200

Nhà máy Nutricare Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,
Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,
Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh